

Số: **340** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **15** tháng **11** năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Nam Việt Bình Phước và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 29/10/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Nam Việt Bình Phước,

Mã số thuế: 3801120625

Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và địa chất công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 7 Trường Chinh, Khu phố Phú Cường, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng xoài, tỉnh Bình Phước.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1734**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Giấy chứng nhận số 638/GCN-BXD ngày 07/11/2017 của Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Nam Việt Bình Phước;
- Sở Xây dựng Bình Phước;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1734

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 340 /GCN-BXD, ngày 15 tháng 11 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	Độ mịn, khối lượng riêng, tỉ diện của xi măng	TCVN 4030:2003
	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011
	Xác định khả năng giữ nước	TCVN 9202:2012
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
	Độ nở autoclave, %	TCVN 8877:2011; TCVN 7711:2013
	Xác định độ nở Sunphat	TCVN 6068:04; TCVN 7713:2007
	Xác định hàm lượng mất khi nung, hàm lượng SiO ₂ và cặn không tan	TCVN 141:2008
2	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119
	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107: 2022; ASTM C 1770
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 2022; AASHTO-T121
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 2022
	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993
	Xác định hàm lượng bột khí trong bê tông	TCVN 3111: 2022
	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112: 2022; ASTM-C567
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 2022; AASHTO-T121
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 2022; AASHTO-T22
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119: 2022; AASHTO-T97
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116: 2022
	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117: 2022; AASHTO T160
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120: 2022
	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12
	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
	Xác định độ chảy của hỗn hợp bê tông	ASTM C1611
	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012
	Xác định thành phần cấp phối bê tông xi măng - Quyết định số 778/1998/QĐ - BXD - ngày: 05/09/1998	
	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp Bê tông	TCVN 9340:2012
	Xác định cường độ dính bám với nền	TCVN 9491 :2012
	Thí nghiệm cơ lý Bó via bê tông đúc sẵn	TCVN 10797:2015
3	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Xác định thành phần cỡ hạt; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn; Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu	TCVN 7572:2006; ASTM C29, C33, C40, C127, C128, C131, C136, C170, C227, C566 ; AASHTO-T2, T11, T19, T27, T37, T96, T112, T142, T176, T191, T205, T233, T238,

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng ion clorua; Xác định hàm lượng sulfat và sulfic; Xác định hàm lượng hạt yếu mềm, phong hóa; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ; Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	
	Xác định hệ số ES	ASTM D2419-91
	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012; ASTM D1882:99; AASHTO T191-87
	Thí nghiệm cơ lý của cát nghiền	TCVN 9205:2012
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ DẪM TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; AASHTO-T100
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; AASHTO-T265; ASTM-2216
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; AASHTO-T89, 90; ASTM D4318
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:12; AASHTO-T27; ASTM C136
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12; ASTM D3080-98, TCVN 8725: 2012
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12; AASHTO-T216, T297
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN 333:06; AASHTO-T99; ASTM D1556
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng): PP dao vòng	TCVN 4202:12; AASHTO T 204, T191, T205, T233, TCVN 8721: 2012
	Xác định sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06; AASHTO-T180
	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:12
	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12
	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12
	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	TCVN 9403: 2012; ASTM D2166
	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:12; TCVN 12662:2019; AASHTO-T49 ;ASTM D2434-00
	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726: 2012; AASHTO T 267
	Xác định khối lượng thể tích nhỏ nhất, lớn nhất và độ chặt tương đối của đất	TCVN 8721:12
	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:2011; ASTM D2850; ASTM D4546-85; AASHTO T296;
	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12
	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:12
	Xác định sức chống cắt của đất bằng phương pháp cát cánh	TCVN 8725:12
	Xác định thành phần và hàm lượng muối hòa tan	TCVN 8727:12
	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:12

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
5	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	Thử kéo, uốn kim loại; Thép, cốt thép bê tông và bê tông dự ứng lực, thép lưới hàn (Xác định kích thước hình học, khối lượng 1m, độ bền kéo, bền uốn, độ giãn dài và uốn lại)	TCVN 197:2014; TCVN 198:2008; TCVN 7937:2013; TCVN 1651:2018
	Kiểm tra chất lượng mối hàn- Thử uốn	TCVN 5401:10; ASTM A 184/184M
	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:10
	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10
	Xác định độ cứng kim loại	ASTM A370:02
	Thử kéo bulông, đai ốc, lực xiết bulông	TCVN 1916:95; TCVN 8298:09
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:10
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:10
	Cốt thép – phương pháp uốn và uốn lại	TCVN 6287:97
	Kiểm tra không phá hủy phương pháp quan sát bên ngoài	TCVN 5878:2007; ASTM E375:11; ASTM B244:09; ASTM 90/A90M:13
	Thử cơ lý dây cáp thép	TCVN 5757:93
	Thử cáp dự ứng lực trước – Thử độ tụt nêm, neo	TCVN 6284:97; ASTM A370; ASTM A1061M; TCVN 10568:2017
6	BÊ TÔNG NHỰA	
	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm; Phương pháp xác định thành phần hạt; Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; Phương pháp xác định độ chảy nhựa; Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát; Phương pháp xác định hệ số độ chặt lu lèn; Phương pháp xác định độ rỗng dư; Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu; Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Phương pháp xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860:2011
	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông nhựa nóng thiết kế theo phương pháp Marshall - Quyết định số 858/QĐ-BGTVT ngày 26/03/2014	TCVN 8820:2011
	Xác định cường độ chịu nén của hỗn hợp Bê tông nhựa	AASHTO T167
7	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05; AASHTO-T49; ASTM D 5
	Xác định độ kéo dài ở 25 ⁰ C;	TCVN 7496:05; AASHTO-T51; ASTM D 113
	Xác định nhiệt độ hoá mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05; AASHTO-T53; ASTM D 36
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-2011; ASTM D 92 AASHTO-T48
	Xác định tổn thất khối lượng sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5h	TCVN 7499:05; AASHTO-T47; ASTM D 6; 22TCN 279:01
	Xác định lượng hòa tan Trichloroethylene	TCVN 7500:05; ASTM D 2042

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:05; AASHTO-T228
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05
	Xác định khối lượng riêng ở 25 ⁰ C	TCVN 7501:05
	Xác định hàm lượng paraffin	TCVN 7503:05
	Xác định nhớt động học	TCVN 7502:05
	Xác định hàm lượng nước; Thử nghiệm chung cát; Xác định độ nhớt tuyệt đối của nhựa đường lỏng	TCVN 8818:2011
8	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Đo dung trọng, độ chặt K, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02:1971; TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; TCVN 12791:2020; TCVN 4202:2012
	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; AASHTO-T191; TCVN 8730:12
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:12; AASHTO T206
	PP xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12
	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11; TCVN 9354:2012; AASHTO T221
	XĐ modul đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11; AASHTO T256-77; ASTM D4695-96
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; AASHTO-T278; ASTM E965-96
	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
	Thí nghiệm CBR - ngoài hiện trường	TCVN 8821:11; TCVN 9350:12; ASTM D4429-09
	PP không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335: 12; ASTM C805
	Cọc – PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12; ASTM D1143, D3689
	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12
	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012; TCVN 9846:2013
	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	22TCN 355:2006; ASTM D2573-08
	Thí nghiệm nhỏ, nén ngang, nén dọc cọc bê tông cốt thép	TCVN 9393:2012; ASTM D3689, D3966, D1143
	Thí nghiệm ép nước vào hố khoan	TCVN 9149:2012
	Thí nghiệm hút nước từ hố khoan	TCVN 9148:2012
	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:2012
	Quan trắc nước và thí nghiệm quan trắc nước ngầm: Đo mực nước tĩnh (ống standpipe), đo áp lực nước theo độ sâu (ống piezometer). Lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển và phân tích.	TCVN 6663:2011, ISO 5667,
	Điện trở của đất	TCVN 9385:2012
9	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác	TCVN 3121:2003 TCVN 9204:2012

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa; Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn;	
	Xác định thành phần cấp phối vữa xi măng – Quyết định số 1329/2016/QĐ – BXD ngày 19/12/2016	
10	THÍ NGHIỆM VỮA CHO BÊ TÔNG NHẸ	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động; Xác định khả năng giữ độ lưu động; Xác định thời gian bắt đầu đông kết; Xác định cường độ nén, Xác định cường độ bám dính, Xác định hàm lượng Ion Clo hòa tan trong nước	TCVN 9028:2011
11	GẠCH, NGÓI, ĐÁ ÓP LÁT	
	Thí nghiệm Gạch Terazzo: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Độ bền uốn, Độ hút nước, Độ mài mòn gạch	TCVN 7744:2013
	Thí nghiệm Gạch đất sét nung: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ bền nén, độ bền uốn, độ hút nước, độ rỗng, khối lượng thể tích, vết tróc do vôi, sự thoát muối	TCVN 6355:2009
	Thí nghiệm Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ hút nước, độ rỗng, độ thấm nước	TCVN 6477:2016
	Thí nghiệm Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 6476:1999
	Thí nghiệm Gạch bê tông nhẹ, gạch bê tông khí chưng áp ACC: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, khối lượng thể tích khô, hệ số dẫn nhiệt	TCVN 9030:2017
	Thí nghiệm Gạch bê tông khí chưng áp AAC: Xác định kích thước, khối lượng thể tích khô, độ co khô, cường độ chịu nén	TCVN 7959:2011
	Thí nghiệm Ngói: Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, khối lượng 1m2 ngói bảo hòa nước, thời gian xuyên nước	TCVN 4313:1995; TCVN 1452:2004
	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của Gạch lát Granito: Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan, Độ hút nước, Lực va đập xung kích, Tải trọng uốn gãy toàn viên; Độ cứng lớp mặt; Độ mài mòn	TCVN 6074:1995
	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của gạch lát xi măng: Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan, Độ hút nước, Lực va đập xung kích, Tải trọng uốn gãy toàn viên; Độ cứng lớp mặt; Độ mài mòn	TCVN 6074:1995
	Thí nghiệm Gạch ốp, lát: Xác định kích thước và hình dáng, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ uốn bền, độ chịu mài mòn, độ bền chống bám bẩn, màu sắc, độ bền hóa học, sự khác biệt nhỏ về màu, hệ số ma sát, độ cứng bề mặt theo thang Mosh	TCVN 6415:2016
	Thí nghiệm đá ốp, lát tự nhiên: Xác định kích thước và hình dáng, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ uốn bền, độ chịu mài mòn, độ bền chống bám bẩn, màu sắc, độ bền hóa học, sự khác biệt nhỏ về màu, hệ số ma sát, độ cứng bề mặt theo thang Mosh	TCVN 4732:2016

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của ngói tráng men: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, Tải trọng uốn gãy, Độ hút nước, Độ bền hóa học	TCVN 9133:2011, TCVN 7195:2002; TCVN 6415:2016
12	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	Hình dáng bên ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số háo nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Xác định KLR của bột khoáng chất và nhựa đường; Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa bột khoáng.	22 TCN 58-84; TCVN 12884:2020
13	CƠ LÝ BENTONITE	
	Xác định khối lượng riêng; Độ nhớt; Hàm lượng cát; Độ pH; Tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày của áo sét, độ ổn định; Lực cắt tĩnh	TCVN 11893:17
14	ỐNG CỐNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC, CỐNG HỘP BÊ TÔNG CỐT THÉP VÀ CỌC BÊ TÔNG LY TÂM	
	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Kiểm tra kích thước và độ vuông góc của đầu ống; Thử khả năng chịu tải của ống; Thử độ thấm nước của ống	TCVN 9113:12; TCVN 9116:12
	Xác định độ bền uốn của thân cọc bê tông ly tâm	TCVN 7888:06
15	THỬ NGHIỆM TẤM THẠCH CAO	
	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh; Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi; Xác định cường độ chịu uốn; Xác định độ kháng nhỏ đinh; Xác định độ biến dạng ẩm; Xác định độ hút nước; Xác định độ hấp thụ nước bề mặt; Xác định độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8256:09
	Thử nghiệm cơ lý khung xương trần thạch cao	ASTM 635:07
	Thử nghiệm cơ lý Tấm thạch cao và Panel thạch cao có sợi gia cường	ASTM C473-17; C471M-s16a
16	NƯỚC XÂY DỰNG	
	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011
	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl)	TCVN 6194:1996
	Xác định hàm lượng ion sulfat (SO ₄)	TCVN 6200:1996
	Xác định hàm lượng muối hoà tan	TCVN 4560:1988
	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.